

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2025.
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và ông Trần Văn Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6
- Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông
Hà Đức Anh - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở phiên tòa số 17/2025/TB – TA ngày 01 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ánh N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là Tổ A, xã B, tỉnh Lào Cai).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ).

(Chị N, anh Q đều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 12/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ánh N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/12/2020 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh Q và mẹ đẻ anh Q tại khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ). Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau nên chung sống không hạnh phúc. Từ

tháng 7/2023 đến nay chị đã chuyển ra ngoài để làm ăn, không còn chung sống cùng anh Q nữa, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 13/4/2021. Từ khi chị chuyển ra ngoài làm ăn thì cháu H vẫn ở cùng anh Q và mẹ đẻ anh Q, cháu H được chăm sóc tốt, được ăn học đầy đủ, đảm bảo cả về chỗ ở cho cháu. Nên khi ly hôn chị nhất trí giao cháu H cho anh Q được trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung do anh Q tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Lê Thị Ánh N không yêu cầu giải quyết.

2, Tại biên bản tự khai ngày 18/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Lê Thị Ánh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/12/2020 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống và làm việc tại khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Đến tháng 7/2023 chị N chuyển ra ngoài đi làm ăn nên vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Nay chị N xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 13/4/2021, cháu H đang ở cùng anh. Hiện nay anh đang làm kinh doanh tại nhà có thu nhập khoảng 15.000.000đ/01 tháng đủ điều kiện để nuôi con. Anh đang ở cùng mẹ đẻ anh, mẹ anh có nhà cửa đất đai ổn định và luôn giúp đỡ anh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, nên cháu H được ăn học đầy đủ và phát triển khỏe mạnh. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu giải quyết.

3, Qua xác minh tại UBND xã M ngày 05/6/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị N và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/12/2020 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, anh chị không bao ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Chị N và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 13/4/2021. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh Q và mẹ anh Q. Cháu H được anh Q và mẹ đẻ anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng nên cháu được ăn học và phát triển khỏe mạnh. Anh Q làm kinh doanh bán hàng ăn uống, có thu nhập hàng tháng đảm bảo điều kiện để nuôi cháu H. Nay chị N xin ly hôn anh Q, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ánh N và anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 13/4/2021 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q do anh Q tự nguyện không yêu cầu. Chị N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị N và anh Q đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Ánh N phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Q có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là khu Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị N, anh Q đều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị N và anh Q là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ) cho đăng ký kết hôn ngày 03/12/2020 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt. Chị N cho rằng vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau nên chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 7/2023 đến nay chị đã chuyển ra ngoài để làm ăn không còn chung sống cùng anh Q nữa, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Phía anh Q cho rằng tháng 7/2023 chị N chuyển ra ngoài đi làm ăn nên vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị N và anh Q được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, anh chị không bao ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị N và anh Q đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Chị N xin ly hôn, anh Q nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh Q là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Q đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 13/4/2021. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Q, khi ly hôn anh Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Phía chị N nhất trí giao con chung cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không cấp dưỡng nuôi con chung do anh Q tự nguyện không yêu cầu. Xét yêu cầu của anh, chị về việc thoả thuận giao con chung và thoả thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị N và anh Q đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị N, anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ánh N và anh Nguyễn Văn Q.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 13/4/2021 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q do anh Q tự nguyện không yêu cầu. Chị N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị N và anh Q đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị Ánh N phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005129 ngày 26/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Phú Thọ). Trả lại cho chị N 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 6 - Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh P;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền